

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN VĨNH CỬU, TỈNH ĐỒNG NAI

Căn cứ vào các Điều 397, 212, 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;
Căn cứ vào các Điều 51, 53, 54, 55, 57 của Luật hôn nhân và gia đình;
Căn cứ Luật Phí và Lệ phí năm 2015;

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Sau khi nghiên cứu hồ sơ việc dân sự thụ lý số 175/2024/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 4 năm 2024 về việc “*Yêu cầu công nhận thuận tình ly hôn*”, gồm những người tham gia tố tụng sau đây:

** Người yêu cầu giải quyết việc dân sự:*

- Chị Từ Kim L, sinh năm 1996;

Địa chỉ: Tổ 9, ấp 1, xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai.

- Anh Đỗ Văn T, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Ấp L, xã T, huyện B, tỉnh Đồng Nai.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Tòa án nhân dân huyện Vĩnh Cửu đã tiến hành hòa giải để chị Từ Kim L và anh Đỗ Văn T đoàn tụ nhưng chị L và anh T không đồng ý đoàn tụ mà tự nguyện ly hôn và thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ việc dân sự, cụ thể như sau:

[1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Kim L và anh Đỗ Văn T chung sống và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai và được cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 241/2022 ngày 23/12/2022. Căn cứ vào các Điều 8, 9 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Quá trình hòa giải, chị L và anh T không đoàn tụ về chung sống với nhau và thống nhất yêu cầu Tòa án công nhận thuận tình ly hôn, sự tự nguyện của anh, chị là phù hợp với quy định tại Điều 55 của Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 nên được công nhận.

[2] Về con chung: Chị L, anh T đều khai không có con chung, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[3] Về tài sản chung: Vợ chồng tự thỏa thuận, không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[4] Về nợ chung: Chị L, anh T đều khai không có, cũng không có ai khác yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét, giải quyết.

[5] Về lệ phí: Chị L, anh T phải nộp lệ phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định.

Việc thuận tình ly hôn và thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 26 tháng 4 năm 2024 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận thuận tình ly hôn và sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

- Về quan hệ hôn nhân: Chị Từ Kim L và anh Đỗ Văn T thuận tình ly hôn.
- Về con chung: Chị L và anh T đều khai không có con chung nên Tòa án không xem xét, giải quyết.
- Về tài sản chung: Các đương sự đều không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết; về nợ chung: các đương sự đều khai không có, cũng không có ai khác yêu cầu nên Tòa án không xem xét, giải quyết.

2. Về lệ phí Tòa án: Chị Từ Kim L và anh Đỗ Văn T mỗi người phải chịu 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) lệ phí giải quyết việc dân sự; được khấu trừ vào số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0009394 ngày 19/4/2024 và số tiền tạm ứng lệ phí 150.000 đồng (Một trăm năm mươi nghìn đồng) đã nộp tại biên lai thu số 0009393 ngày 19/4/2024 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Vĩnh Cửu. Chị L, anh T đã nộp đủ tiền lệ phí.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

THẨM PHÁN

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện Vĩnh Cửu;
- UBND xã T, huyện V, tỉnh Đồng Nai;
- Lưu hồ sơ vụ án, văn phòng.

Nguyễn Quốc Thái